



## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về Chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định canh, tái định cư cho các dự án di dời và ổn định dân cư khỏi lâm phần trên địa bàn tỉnh.

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;  
Căn cứ Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 7/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;  
Căn cứ Thông tư số 69/2006/TT-BTC ngày 02/8/2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 7/12/2004 của Bộ Tài chính;  
Căn cứ Quyết định số 190/2003/QĐ-TTg ngày 16/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách di dân thực hiện quy hoạch, bố trí dân cư giai đoạn 2003-2010;  
Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2004/TTLT-BNN-BTC ngày 31/03/2004 của liên Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ hỗ trợ di dân theo Quyết định số 190/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;  
Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến 2015;  
Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;  
Căn cứ Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 19/03/2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2007-2010;  
Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 18/4/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;  
Căn cứ Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 16/5/2008 của UBND tỉnh về việc Ban hành khung chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tách khỏi lâm phần và đất lâm nghiệp khi thực hiện các dự án phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng sau quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2006/QĐ-UBND ngày 19/6/2006 của UBND tỉnh điều chỉnh Quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - Thường trực Hội đồng bồi thường tại Tờ Trình số 117/TTr-SNN-KH ngày 26/06/2008 về việc phê duyệt Chính sách hỗ trợ tái định canh, tái định cư thực hiện các dự án di dời và ổn định dân di cư tự do ra khỏi lâm phần trên địa bàn tỉnh Bình Phước,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định canh, tái định cư cho các dự án di dời và ổn định dân ra khỏi lâm phần trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên & Môi trường, Kế hoạch & Đầu tư, Công thương, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch UBND các huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

10. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Danh

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Bộ NN.PTNT;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Thành viên HĐBT dự án tỉnh;
- Như điều 2;
- Sở Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Lãnh đạo VP, CV: KT, SX;
- Lưu: VT (hoàn 67).



## QUY ĐỊNH

Về Quy định về Chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định canh,  
tái định cư cho các dự án di dời và ổn định dân cư ra  
khỏi lâm phần trên địa bàn tỉnh.

(Kèm theo Quyết định số 46 /2008/QĐ-UB ngày 12 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng cho các dự án di dời và ổn định dân cư ra khỏi lâm phần trên địa bàn tỉnh.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các hộ gia đình, cá nhân đang nhận giao khoán, lấn chiếm sử dụng đất lâm nghiệp trong phạm vi các dự án nêu tại điều 1.

### Chương II CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI THU HỒI ĐẤT

#### Điều 3. Chính sách bồi thường

3.1 Các trường hợp không được bồi thường khi thu hồi đất

a. Đất rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách Nhà nước do các ban quản lý rừng trực tiếp quản lý.

b. Đất rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách Nhà nước đã giao khoán cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chăm sóc bảo vệ mà được hưởng chi phí Nhà nước trả hàng năm.

c. Đất rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách Nhà nước đã giao khoán cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chăm sóc bảo vệ và được chia sản phẩm theo hợp đồng đã được ký kết.

d. Đất xâm canh, lấn chiếm trái phép sau ngày 01/07/2004 các cá nhân, hộ gia đình xâm canh, lấn chiếm phải giao trả lại đất cho chủ rừng nhà nước và không được bồi thường, hỗ trợ. Nếu hộ gia đình, cá nhân không thực hiện thì cưỡng chế buộc thi hành.

3.2 Các trường hợp được hỗ trợ khi thu hồi đất

a. Đất giao khoán cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự bỏ vốn ra đầu tư theo Quyết định số 4539/QĐ-UB ngày 19/12/1994 của UBND tỉnh Sông Bé hoặc Quyết định số 1119/QĐ-UB ngày 15/7/1997 của UBND tỉnh Bình Phước thì được hỗ trợ 70 % đơn giá đất rừng sản xuất được UBND tỉnh ban hành tại thời điểm giải



toả, thu hồi tính theo diện tích thực tế được giao (năm 2007 áp dụng theo Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 24/12/2007).

b. Đối với đất xâm canh, lấn chiếm trái phép trước ngày 01/7/2004 được hỗ trợ bằng 50 % đơn giá đất rừng sản xuất được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 24/12/2007.

#### **Điều 4. Chính sách bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, vật kiến trúc, cây trồng trên đất**

4.1 Nhà ở, vật kiến trúc, công trình xây dựng gắn liền trên đất khi bị thu hồi thuộc đối tượng quy định tại khoản 3.1 và 3.2 điều 3 Quy định này, trước ngày 01/7/2004 thì được hỗ trợ 70 % theo đơn giá quy định tại khoản 5.2 điều 5 Quy định này; xây dựng sau ngày 01/7/2004 thì không được hỗ trợ.

4.2 Đối với cây trồng, hoa màu gắn liền trên đất khi thu hồi được bồi thường, hỗ trợ như sau:

a. Đối tượng thu hồi đất quy định tại điểm a, b khoản 3.1 điều 3 thì không được bồi thường, hỗ trợ.

b. Đối tượng thu hồi đất quy định tại điểm c khoản 3.1 điều 3 thì bồi thường theo giá trị tăng trưởng từ khi nhận khoán đến khi thanh lý hợp đồng được quy định tại Quyết định số 16/2004/QĐ-UBND ngày 4/3/2004 của UBND tỉnh về việc quy định tỷ lệ hưởng lợi của các hộ gia đình, cá nhân được giao khoán.

c. Đối tượng thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 3.2 điều 3 thì bồi thường 100% đơn giá quy định tại khoản 5.1 điều 5 Quy định này.

d. Đối tượng thu hồi đất quy định tại điểm b khoản 3.2 điều 3 thì hỗ trợ 50 % đơn giá quy định tại khoản 5.1 điều 5 Quy định này.

4.3 Nhà ở, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng, hoa màu gắn liền trên đất thuộc đối tượng buộc phải trả lại đất mà không được hỗ trợ theo quy định tại điểm d khoản 3.1 điều 3 thì không được hỗ trợ. Các hộ có hoàn cảnh khó khăn, không thể trở về nơi ở cũ được xem xét để bố trí tái định canh, tái định cư vào nơi quy hoạch, quy định tại Chương IV của Quy định này.

4.4 Tài sản, hoa màu và các loại đầu tư khác gắn liền với đất được xác định có sau khi công bố thực hiện dự án thì không xem xét giải quyết bồi thường, hỗ trợ.

4.5 Hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất, tài sản có thể tháo dỡ và di chuyển được, thì chỉ hỗ trợ toàn bộ chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt. Mức hỗ trợ sẽ được tính theo thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

4.6 Thời điểm xét tài sản có vi phạm quy hoạch hay không là thời điểm chủ đầu tư tổ chức họp dân thông báo văn bản thuận quy hoạch vị trí thực hiện của UBND tỉnh.

4.7 Các hộ gia đình, cá nhân chỉ được phép thu hồi tài sản, vật kiến trúc trên đất. Đối với cây trồng gắn liền trên đất không được phép tận thu mà phải để nguyên trạng giao mặt bằng cho dự án để bảo đảm chức năng phòng hộ của rừng.

#### **Điều 5. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản và hoa màu**

Tại thời điểm xây dựng phương án tổng thể áp dụng theo Quyết định số 65/2006/QĐ-UBND ngày 19/6/2006 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng khi Nhà



nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước, ban hành kèm theo Quyết định số 54/2005/QĐ-UBND ngày 03/6/2005 của UBND tỉnh. Khi đơn giá bồi thường, hỗ trợ của UBND tỉnh có thay đổi, thì tại thời điểm áp giá bồi thường, hỗ trợ được thực hiện theo đơn giá quy định hiện hành.

## 5.2 Tài sản

### a. Đơn giá bồi thường nhà cửa

#### (1) Đối với nhà cấp IV

- Nhà cấp IVA: 1.050.000 đồng/m<sup>2</sup> xây dựng

+ Qui mô: Trệt hoặc có gác gỗ

+ Kết cấu: Móng, cột BTCT, tường xây gạch, mái ngói hoặc tol, trần các loại, tường sơn nước, nền lát gạch bông, gạch ceramic, cửa gỗ, nhôm, sắt, có sê nô, ốp gạch mặt trước hoặc tô đá rữa.

- Nhà cấp IVB: 850.000 đồng/m<sup>2</sup> xây dựng.

+ Qui mô: Trệt hoặc có gác gỗ.

+ Kết cấu: Móng, cột xây gạch, đá, tường xây gạch, mái tol, trần các loại, tường quét vôi, nền lát gạch bông, gạch ceramic, cửa gỗ, nhôm, sắt, có sê nô.

- Nhà cấp IVC: 750.000 đồng/m<sup>2</sup> xây dựng.

+ Qui mô: Trệt hoặc có gác gỗ.

+ Kết cấu: Móng, cột xây gạch, đá, tường xây gạch, mái tol, trần các loại, tường quét vôi, nền lát gạch tàu, xi măng hoặc ván xê, cửa gỗ, sắt.

(2) Đối với nhà bán kiên cố: 430.000 đồng/m<sup>2</sup> xây dựng.

+ Kết cấu: Cột gỗ vuông, tròn, đường kính cột lớn hơn hoặc bằng 15 cm hoặc xây gạch, vách ván gỗ nhóm I - IV, mái tôn, nền gạch tàu hoặc láng xi măng.

#### (3) Đối với nhà tạm

- Nhà tạm loại 1: 250.000 đồng/m<sup>2</sup> xây dựng.

Kết cấu: Cột kèo gỗ (xê, hoặc tròn) có đường kính <15 cm hoặc cột BT; vách tôn hoặc ván tạp, mái tôn, nền gạch tàu, xi măng.

- Nhà tạm loại 2: 190.000 đồng/m<sup>2</sup> xây dựng.

Kết cấu: Cột kèo gỗ, tre, vách bằng vật liệu dễ cháy; mái tranh tre, nứa lá; nền gạch tàu hoặc láng xi măng hoặc loại nhà có kết cấu như loại tạm 1 nhưng không vách hoặc vách lửng.

- Nhà tạm loại 3: 120.000 đồng/m<sup>2</sup> xây dựng.

Kết cấu: Như nhà loại tạm 2 nhưng không vách hoặc vách lửng.

#### \* Quy định điều chỉnh:

- Nhà cấp IVA, IVB chưa lát nền, sàn thì giảm đơn giá 115.000 đồng/m<sup>2</sup> sàn (xây dựng) chưa lát.

- Nhà cấp IVC và cấp bán kiên cố, tạm chưa lát nền thì giảm đơn giá 50.000 đồng/m<sup>2</sup> xây dựng chưa lát.

- Nếu nền nhà lát bằng tre thì đơn giá nền là 23.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Nhà cấp IV chưa đóng trần (la phòng) thì giảm đơn giá 60.000 đồng/m<sup>2</sup> sàn (xây dựng).

- Đơn giá gác gỗ trong nhà cấp IV và bán kiên cố: 185.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Nhà cấp IV và bán kiên cố có chiều cao tường thấp hơn 2,7 m (đo tại vị trí tường cao nhất đến nền nhà) thì giảm đơn giá 20 %.





- Nhà cấp tạm có chiều cao vách thấp hơn 1,6 m (đo tại vị trí cao nhất đến nền nhà) thì giảm đơn giá 20 %.
- Nhà, công trình xây gạch không trát (tô) mặt tường thì giảm đơn giá 15 %.
- Đơn giá hỗ trợ di dời nhà tiền chế: Khung thép, vì kèo thép, mái tôn, vách tôn hoặc lưới B40: 125.000 đồng/m<sup>2</sup>.
- Nhà vệ sinh, nhà tắm, chuồng trại chăn nuôi không lớp mái giảm đơn giá 50.000 đồng/m<sup>2</sup>.

**b. Đơn giá vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất**

- Ao đào (tính từ mặt đất tự nhiên xuống): 10.000/m<sup>3</sup>.
- Bàn thiên xây: 70.000 đồng/cái
- Bàn thiên gỗ: 30.000 đồng/cái
- Bể nước xây gạch có tô trát dùng cho sinh hoạt: 250.000 đồng/m<sup>3</sup>
- Bể nước xây gạch có tô trát dùng cho mục đích khác: 200.000 đồng/m<sup>3</sup>  
(Trường hợp bể nước không có trát: tính bằng 70 % đơn giá)
- Sân gạch, xi măng: 40.000 đồng/m<sup>2</sup>
- Sân đá kẹp đất: 30.000 đồng/m<sup>2</sup>
- Nhà tắm riêng biệt, tường gạch có lót nền: 240.000 đồng/m<sup>2</sup>
- Nhà tắm: tranh, tre, gỗ có lót nền: 90.000 đồng/m<sup>2</sup>
- Nhà vệ sinh tạm tranh, tre, gỗ có lót nền: 150.000 đồng/m<sup>2</sup> (chưa tính hầm chứa).
- Chuồng trại tạm: Nền xi măng hoặc gạch tàu, cột gỗ, mái tranh tre, vách tạm hoặc không vách 90.000 đồng/m<sup>2</sup>; nếu nền đất 50.000 đ/m<sup>2</sup>.
- Rào kẽm gai: 10.000 đồng/m<sup>2</sup>
- Giếng đào sâu < 5m : 100.000 đồng/m sâu
- Giếng đào sâu từ sâu 5 m trở lên: 120.000 đồng/m sâu
- Mộ đất: 800.000 đồng/cái

### Chương III CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHÁC

**Điều 6. Hỗ trợ di chuyển, ổn định sản xuất và đời sống**

6.1 Hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển đến nơi ở mới trong vùng dự án được hỗ trợ 03 triệu đồng/hộ. Nếu di chuyển sang tỉnh khác thì được hỗ trợ 05 triệu đồng/hộ.

6.2 Các tổ chức có đủ điều kiện bồi thường thiệt hại tài sản khi bị thu hồi đất mà phải di chuyển cơ sở sản xuất, doanh trại, được hỗ trợ chi phí thực tế di chuyển, tháo dỡ và lắp đặt do UBND tỉnh quyết định cho từng trường hợp cụ thể theo đề nghị của Sở Tài chính.

6.3 Người bị thu hồi hết đất ở và không còn chỗ ở nào khác, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới, được hỗ trợ 500.000 đồng/hộ/01 tháng với thời gian hỗ trợ không quá 06 tháng cho 01 hộ.

6.4 Đối với hộ gia đình đất bị thu hồi hết, không có đất nơi khác và có hộ khẩu tạm trú (KT3) tại nơi bị giải tỏa, phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ ổn định cuộc sống với số tiền là 0,6 triệu/nhân khẩu.



6.5 Ngoài việc hỗ trợ trong các trường hợp trên nêu tại điều này, các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, tự chấp hành tháo dỡ công trình, giao mặt bằng đúng kế hoạch đã thông báo được thưởng bằng 2 % tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình cá nhân được nhận. Mức thưởng tối đa không vượt 05 triệu đồng/01hộ.

## **Chương IV** **TÁI ĐỊNH CƯ, TÁI ĐỊNH CANH**

### **Điều 7. Chính sách thực hiện tái định cư**

7.1 Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi hết đất, không có đất ở nơi khác, có nhu cầu tái định cư tại khu tái định cư do dự án xây dựng thì được bố trí một lô tái định cư và được giao đất thổ cư có thu tiền.

7.2 Đối với hộ gia đình, cá nhân buộc phải trả lại đất nhưng không thể trở về quê cũ, muốn được định cư trong khu tái định cư do dự án xây dựng, thì được xem xét tùy từng đối tượng cụ thể, mà bố trí một lô đất tái định cư và được giao đất thổ cư có thu tiền.

#### 7.3 Chính sách bố trí thực hiện tái định cư

a. Cơ quan (tổ chức) được Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm bố trí tái định cư phải thông báo cho từng hộ gia đình bị thu hồi đất, phải di chuyển chỗ ở về dự kiến phương án bố trí tái định cư và niêm yết công khai phương án này tại trụ sở của đơn vị, tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi và tại nơi tái định cư trong thời gian 20 ngày trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bố trí tái định cư; nội dung thông báo gồm:

- Địa điểm, quy mô quỹ đất tái định cư, thiết kế, diện tích từng lô đất, giá đất tái định cư.

- Dự kiến bố trí các hộ vào tái định cư.

b. Hộ gia đình, cá nhân được tái định cư phải chấp hành đúng mục đích sử dụng đất, đúng quy hoạch kế hoạch của vùng dự án.

c. Ưu tiên tái định cư tại chỗ cho người bị thu hồi đất tại nơi có dự án tái định cư, ưu tiên vị trí thuận lợi cho các hộ sớm thực hiện giải phóng mặt bằng, hộ có vị trí thuận lợi tại nơi ở cũ, hộ gia đình chính sách.

d. Khu tái định cư phải được bố trí tại những vị trí thuận lợi về đường đi, nước sinh hoạt. Trước khi bố trí đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân, khu tái định cư phải được xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ đảm bảo đủ điều kiện cho người sử dụng tốt hơn nơi ở cũ.

e. Người nhận đất tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất và các khoản phí khác theo quy định; được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất tái định cư.

f. Không được tổ chức cưỡng chế giải tỏa tháo dỡ nhà ở khi người bị thu hồi đất thuộc đối tượng tái định cư theo quy định tại khoản 1 điều này. Trừ trường hợp người xâm canh, lấn chiếm trái phép sau ngày 01/7/2004 buộc phải trả lại đất theo Chỉ thị 33-CT/TU của Tỉnh ủy, được quy định tại khoản 3.2 điều 3.

#### 7.4 Nghĩa vụ tài chính của người nhận tái định cư

- Người nhận đất tái định cư phải có nghĩa vụ về tài chính nộp cho Nhà nước tiền sử dụng đất ở, đơn giá thu tiền sử dụng đất ở tái định cư xác định bằng giá hỗ



trợ đất rừng sản xuất và chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng bình quân trên một đơn vị diện tích ( $m^2$ ) nhưng không được vượt quá giá đất ở tại khu vực.

Thuế trước bạ, lệ phí địa chính, chính lý hồ sơ địa chính do chủ đầu tư chi trả.

## **Điều 8. Chính sách tái định canh**

### **8.1 Các trường hợp được giao đất sản xuất**

- Các hộ bị thu hồi hết đất hoặc buộc trả lại hết đất và chứng minh được không có đất sản xuất ở nơi khác thì được xem xét giao đất rừng sản xuất nhưng diện tích giao tối đa cho mỗi hộ không vượt quá diện tích đất nông nghiệp bình quân trên hộ gia đình chung của tỉnh. Tuy nhiên, tổng số diện tích đất được tái định canh trong khu vực không vượt quá khả năng quỹ đất của dự án để bố trí.

- Đất lâm nghiệp được giao có thu tiền.

### **8.2 Bố trí tái định canh**

a. Khu tái định canh phải được thiết kế lô, khoảnh cụ thể.

b. Ưu tiên tái định canh cho người bị thu hồi đất tại nơi có dự án.

c. Tạo điều kiện cho các hộ khu tái định canh được xem cụ thể khu tái định canh.

d. Đất tái định canh phải sử dụng đúng mục đích sản xuất nông lâm nghiệp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp có thời hạn sử dụng theo quy định.

### **8.3 Đối với các hộ được tái định canh**

Các hộ gia đình, cá nhân nhận đất tái định canh phải nộp tiền đầu tư xây dựng khu tái định canh được xác định bằng chi phí hỗ trợ bình quân để thu hồi đất cộng với chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng của khu tái định canh bình quân trên một đơn vị diện tích ( $m^2$ ), nhưng đơn giá nộp tiền sử dụng đất khu tái định canh tối đa không vượt quá giá đất nông nghiệp theo quy định của UBND tỉnh.

## **Điều 9. Xử lý một số trường hợp cụ thể:**

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao đất tái định canh, tái định cư nhưng khó khăn về kinh tế nên không thể nộp tiền sử dụng đất, được UBND xã xác nhận thì thực hiện ghi nợ tiền sử dụng đất trên Giấy CNQSDĐ theo quy định. Thời gian ghi nợ tiền sử dụng đất không quá 3 năm. Sau 3 năm nếu hộ gia đình, cá nhân được giao đất tái định canh chưa thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất thì xử lý phạt chậm nộp theo quy định.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10.** Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định canh, định cư được lập theo từng dự án. Trường hợp có nhiều dự án trong một huyện thì có thể thành lập một hội đồng chung.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định canh, tái định cư (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do lãnh đạo UBND cấp huyện làm Chủ tịch, các thành viên gồm:



- Đại diện cơ quan tài chính làm Phó Chủ tịch Hội đồng.
- Chủ đầu tư làm Ủy viên Thường trực.
- Đại diện cơ quan tài nguyên làm ủy viên.
- Đại diện UBND cấp xã có đất bị thu hồi làm ủy viên.
- Đại diện chủ rừng làm ủy viên.
- Đại diện của những hộ bị thu hồi đất từ 01 đến 02 người.
- Một số thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định cho phù hợp với thực tế tại địa phương.

### **Điều 11. Trách nhiệm của Hội đồng bồi thường**

Thực hiện theo Điều 40 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ:

11.1 Hội đồng giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư, định canh; Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

11.2 Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng:

- a. Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo các thành viên Hội đồng lập, trình duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, định canh.
- b. Chủ đầu tư có trách nhiệm giúp Chủ tịch Hội đồng lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, định canh; bảo đảm đầy đủ kinh phí để chi trả kịp thời tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, định cư.
- c. Đại diện những người bị thu hồi đất có trách nhiệm: phản ánh nguyện vọng của người bị thu hồi đất, người phải di chuyển chỗ ở; vận động những người bị thu hồi đất thực hiện di chuyển, giải phóng mặt bằng đúng tiến độ.
- d. Các thành viên khác thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công và chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng phù hợp với trách nhiệm của ngành.

11.3 Hội đồng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý của đất đai, tài sản được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, định cư.

### **Điều 12. Trách nhiệm của UBND các cấp**

#### **12.1 Trách nhiệm của UBND tỉnh**

- a. Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, vận động mọi tổ chức, cá nhân về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, định canh và thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng quy định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- b. Chỉ đạo các sở, ban ngành và UBND cấp huyện:
  - Lập dự án tái định cư, tái định cư; khu tái định cư, tái định cư để phục vụ cho việc thu hồi đất.
  - Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tái định cư và thẩm định phương án, dự án.
- c. Phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư, định cư theo đề xuất của Hội đồng.





d. Chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân về bồi thường, hỗ trợ và tái định canh, định cư theo thẩm quyền pháp luật qui định.

g. Bảo đảm sự khách quan công bằng khi xem xét và quyết định việc bồi thường, hỗ trợ tái định canh, định cư khi thu hồi đất theo thẩm quyền.

h. Phân cấp cho UBND huyện, thị xã tổ chức cưỡng chế đối với các trường hợp cố tình không thực hiện Quyết định thu hồi đất của dự án.

f. Chỉ đạo kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định canh, định cư.

### **12.2 Trách nhiệm của UBND huyện nơi có đất bị thu hồi**

a. Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, vận động mọi tổ chức, cá nhân về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, định canh và thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng quy định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b. Chỉ đạo Hội đồng bồi thường xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định canh, tái định cư.

c. Chỉ đạo chủ đầu tư thực hiện phương án bồi thường, tái định canh, tái định cư được phê duyệt.

d. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân về bồi thường, hỗ trợ và tái định canh, tái định cư theo thẩm quyền được giao, ra quyết định cưỡng chế và cưỡng chế đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền.

### **12.3 Trách nhiệm của UBND cấp xã (phường, thị trấn)**

a. Tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định canh, tái định cư của dự án.

b. Phối hợp với Hội đồng xác minh nguồn gốc đất, tài sản và chịu trách nhiệm pháp lý về kết quả xác minh.

c. Phối hợp và tạo điều kiện hỗ trợ cho việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định canh, tái định cư cho người bị thu hồi đất và tạo điều kiện cho việc giải phóng mặt bằng.

## **Điều 13. Trách nhiệm**

### **13.1 Trách nhiệm của Sở Tài chính**

a. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, định canh, chi phí phục vụ bồi thường và tái định cư, định canh. Thời gian thẩm định tối đa không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

b. Kiểm tra việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, định canh tại địa phương.

### **13.2 Trách nhiệm của tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện dự án di dời, ổn định dân DCTD (chủ đầu tư)**



1. Phối hợp với Hội đồng lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, tái định canh thông qua Hội đồng thống nhất và trình UBND tỉnh phê duyệt. Tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ tái định canh, tái định cư được phê duyệt.

2. Hướng dẫn giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tái định canh.

**Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của người bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở**  
**14.1 Quyền**

- Đăng ký đến ở nơi tái định cư, tái định canh bằng văn bản.
- Được ưu tiên đăng ký hộ khẩu cho bản thân, các thành viên khác trong gia đình về nơi ở mới và được ưu tiên chuyển trường cho các thành viên trong gia đình trong độ tuổi đi học.
- Được từ chối vào khu tái định canh, tái định cư nếu khu tái định canh, định cư không đảm bảo các điều kiện như đã thông báo và niêm yết công khai.

**14.2 Nghĩa vụ**

- Thực hiện di chuyển vào khu tái định cư, tái định canh theo đúng thời gian theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Xây dựng nhà, công trình theo đúng quy hoạch và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất theo phương án đã được xét duyệt thì người có đất bị thu hồi phải bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

**Điều 15. Công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định canh, tái định cư**

Trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định canh, tái định cư đã được phê duyệt. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp huyện, xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường tại trụ sở UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

**Điều 16. Thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định canh, định cư**

16.1 Sau 05 ngày kể từ ngày niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc thông báo chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo thông báo. Trường hợp người được bồi thường, hỗ trợ ủy quyền cho người khác nhận thay thì người được bồi thường, hỗ trợ phải làm giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật.

16.2 Trường hợp người bị thu hồi đất không nhận tiền chi trả về bồi thường, hỗ trợ sau khi thông báo 03 lần lịch chi trả theo quy định, thì số tiền này được tạm gửi vào ngân hàng thương mại theo chế độ tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn do Chủ



đầu tư công trình tạm đứng tên. Số tiền lãi tiết kiệm thuộc sở hữu hộ gia đình, cá nhân chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

16.3 Thực hiện tái định canh, tái định cư: sau 05 ngày kể từ ngày niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc thông báo kế hoạch giao đất tái định canh, tái định cư trên bản đồ và trên thực địa.

#### **Điều 17. Cường chế thi hành quyết định thu hồi đất, giải phóng mặt bằng**

17.1 UBND các cấp phối hợp với các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, tổ chức đoàn thể vận động người bị thu hồi đất, tự giác thực hiện quyết định thu hồi đất, giải phóng mặt bằng. Trường hợp đã thực hiện đúng các quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư, tái định canh mà người bị thu hồi đất cố tình không thực hiện quyết định thu hồi đất, thì cơ quan ra quyết định thu hồi đất ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

17.2 Sau khi có quyết định cưỡng chế của UBND cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đã có hiệu lực thi hành.

17.3 Người bị cưỡng chế đã nhận quyết định cưỡng chế, trường hợp người bị cưỡng chế từ chối nhận quyết định cưỡng chế thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã niêm yết công khai quyết định cưỡng chế tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất thu hồi.

17.4 Sau 15 ngày kể từ ngày giao trực tiếp quyết định cưỡng chế hoặc niêm yết công khai quyết định cưỡng chế quy định tại khoản 3 điều này mà người bị cưỡng chế không bàn giao đất thì UBND cấp huyện chỉ đạo, tổ chức lực lượng cưỡng chế thu hồi đất theo quy chế của pháp luật.

17.5 Tuyệt đối không tiến hành cưỡng chế giải tỏa mặt bằng trong trường hợp chưa giải quyết giao đất tái định cư cho các hộ dân.

17.6 Chi phí tổ chức thi hành cưỡng chế do hộ gia đình, cá nhân bị cưỡng chế chịu trách nhiệm chi và được tính trừ vào số tiền bồi thường hộ gia đình, cá nhân được nhận. Trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân bị cưỡng chế thấp hơn chi phí cưỡng chế thì số tiền chênh lệch được tính vào chi phí của dự án.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CH. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Bùi Văn Danh*